

Số: 210 TB-THPT

Giồng Riềng, ngày 09 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông
năm học năm học 2021-2022

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1511	458	526	527
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1482 98.08%	449 98.03%	510 96.96%	523 99.24%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25 1.65%	5 1.09%	16 3.04%	4 0.76%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.26%	4 0.87%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1511	458	526	527
1	Gỏi (tỷ lệ so với tổng số)	513 33.95%	97 21.18%	154 29.28%	262 49.72%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	735 48.64%	225 49.13%	264 50.19%	246 46.68%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	257 17.01%	130 28.38%	108 20.53%	19 3.61%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.40%	6 1.31%	0 0.00%	0 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1511	458	526	527
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1505 99.60%	452 98.69%	526 100.00%	527 100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	513 33.95%	97 21.18%	154 29.28%	262 49.72%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	735 48.64%	225 49.13%	264 50.19%	246 46.68%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.40%	6 1.31%	0 0.00%	0 0.00%

3	Lưu ban (kể cả sau thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	44 2.91%	41 8.95%	3 0.57%	0 0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%			
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	25 1.65%	11 2.40%	11 2.09%	3 0.57%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	41			
1	Cấp tỉnh/thành phố	40	7	26	7
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1			1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	526			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (tỷ lệ so với tổng số)	522 99.24%			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%			
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	678/833	198/260	235/291	245/282
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	78	24	26	28



Phụ trường đơn vị

Đàm Thanh Lạc